TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LAI VUNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30-12-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn và cấp dưỡng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cao Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Đặng Văn Hai;

Nguyễn Phát Triển.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Vân An là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022 tại phòng xử án của trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2022/TLST-HNGĐ, ngày 17/10/2022 "V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 611/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 13 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự;

- *Nguyên đơn*: Nguyễn T - Sinh năm: 1987. Địa chỉ: 3xã Hòa H, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- *Bị đơn:* Trần T - Sinh năm: 1970. Địa chỉ: xã Phong H, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo các chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn Nguyễn T trình bày:

Nguyễn T và Trần T tự tìm hiểu và quen biết nhau, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H. Cuộc sống hôn nhân thời gian đầu thì hạnh phúc đến khoảng năm 2014 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cải không cùng tiếng nói, mỗi người đã có cuộc sống riêng, vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2014 đến nay.

Nay chị T nhận thấy không còn tình cảm với anh T nên chị T yêu cầu ly hôn với anh T.

- Về con chung: Có hai con chung tên Trần Gia B, sinh ngày 20/3/2011 và Trần Gia H, sinh ngày 05/5/2014 hiện nay hai con đang sống với chị T, chị T yêu cầu nuôi hai con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi mỗi con 700.000đ/tháng đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Trần T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Xét thấy, việc tranh chấp về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con giữa Nguyễn T và Trần T theo quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyễn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với Trần T để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử nên xét xử vắng mặt đối với Trần T theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Nguyễn T và Trần T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hlà theo quy định, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình sống chung có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cải, không cùng tiếng nói, hiện nay mỗi người có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai, tình trạng hôn nhân của chị T và anh T như trên được chứng minh bằng hành động cụ thể là anh T không chấp hành các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án để được hòa giải đoàn tụ, bỏ mặt

không ý kiến gì, đồng thời cố ý không chấp hành pháp luật. Mặc dù, Hội đồng xét xử đã động viên nhưng chị T vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với anh T, mâu thuẩn của chị T và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được, cho nên việc chị T yêu cầu ly hôn là thỏa mãn theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ.

[3] Về con chung: Chị T và anh T có hai con chung tên Trần Gia B, sinh ngày 20/3/2011 và Trần Gia H, sinh ngày 05/5/2014, hiện nay chị T đang nuôi 02 con chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con từ khi vợ chồng xa nhau chị T trực tiếp nuôi 02 cháu việc giao con cho ai nuôi là xem xét điều kiện để nuôi con, chị T đang trực tiếp nuôi dạy con tốt, có đủ điều kiện nuôi con, Cháu Trần Gia B; Trần Gia H cũng có văn bản ý kiến muốn tiếp tục sống chung với mẹ nên chấp nhận yêu cầu của chị T, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử chấp nhận là có căn cứ theo quy định tại Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng: Chị T yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 700.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định nên chấp nhận yêu cầu của chị T, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử chấp nhận là có căn cứ theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản và nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là có căn cứ, phù hợp với khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Nguyễn T được ly hôn với Trần T.

2. Về con chung: Nguyễn T được quyền tiếp tục nuôi hai con chung tên Trần Gia B, sinh ngày 20/3/2011 và Trần Gia H, sinh ngày 05/5/2014, Trần T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con 700.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2023.

Nguyễn T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở Trần T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con khi ly hôn.

3. Về án phí và tạm ứng án phí: Nguyễn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà Nguyễn T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0010608, ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Nguyễn T đã nộp xong).

Trần T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), anh Trần T chưa nộp.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/12/2022). Đối với bị đơn không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày, tính từ ngày bản án này được giao cho họ hoặc được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- UBND xã
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

Nguyễn Cao Diễm